

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ2 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067200201 - V k thu t c»ng tr ½nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040575	36CCĐ2	Nguy n An	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3671040452	36CCĐ2	Nguy n Vĩ t An	30/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
3	3671040509	36CCĐ2	Phan Tu n Anh	19/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3671040422	36CCĐ2	Võ Minh C ng	08/07/1994				3.1			3.1	0.9	0.0	0.0	0.9	
5	3671040526	36CCĐ2	Nguy n Qu c C ng	12/05/1994				3.1			3.1	0.9	4.3	3.0	3.9	
6	3671040574	36CCĐ2	Ph m Minh H ng ã i	05/09/1994				5.1			5.1	1.5	3.0	2.1	3.6	
7	3671040471	36CCĐ2	Nguy n T n ã t	03/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT00
8	3671040428	36CCĐ2	Nguy n V ã ã i n	25/03/1993				2.0			2.0	0.6	5.2	3.6	4.2	
9	3671040501	36CCĐ2	Tr n ã ½nh Hi u	15/07/1994				4.2			4.2	1.3	4.8	3.4	4.6	
10	3671040436	36CCĐ2	Võ Minh Hi p	28/09/1994				3.5			3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
11	3671040332	36CCĐ2	Ph m C»ng H ng	16/10/1993				4.3			4.3	1.3	5.0	3.5	4.8	
12	3671041493	36CCĐ2	B” Anh Tu n Ki t	04/10/1991				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
13	3671040442	36CCĐ2	Nguy n V ã Khá nh	21/10/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671040344	36CCĐ2	ñ ng Quang Ly	28/10/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
15	3671042026	36CCĐ2	Nguy n Tu n Minh	16/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
16	3671040505	36CCĐ2	Hu m h T n Phá t	04/09/1994				4.2			4.2	1.3	6.5	4.6	5.8	
17	3671040366	36CCĐ2	Nguy n Ph” t Tài	04/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
18	3671040354	36CCĐ2	Hu m h Ng c Tân	26/04/1994				4.1			4.1	1.2	4.9	3.4	4.7	
19	3671042010	36CCĐ2	B ½ i ã ½nh Thi n	09/09/1989				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200201 - V k thu t c ấ ng tr ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040499	36CCĐ2	L ng Ho ấ ng Ph c Tr ấ n	19/01/1993				2.6			2.6	0.8	1.6	1.1	1.9	
21	3671041982	36CCĐ2	Nguy n H H ấ i Tr ấ u	27/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
22	3671041965	36CCĐ2	Nguy n V ng Tr ấ u	20/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
23	3671040455	36CCĐ2	Ho ấ ng V ấ n Tr ấ nh	22/02/1993				5.7			5.7	1.7	4.5	3.2	4.9	
24	3671040434	36CCĐ2	Nguy n ấ c Tr ng	07/04/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	

T ng s : 24 h c sinh sinh v ấ n
Tr ng Khoa Gi ấ o V ấ n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ấ o V ấ Khoa